

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 580/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Ông Nguyễn Thanh Truyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Nhâm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quốc T; sinh năm: 1962; địa chỉ: B22/9 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Lệ Th; sinh năm 1967; địa chỉ: 205/42 THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 03/7/2023, bản tự khai ngày 31/7/2023 nguyên đơn ông Phạm Quốc T trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị Lệ Th tự nguyện tìm hiểu, sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy Chứng nhận kết hôn số 52 quyền số 01/06 ngày 24/3/2006).

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông về chung sống tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng giữa năm 2006 sau khi ông và bà Th xảy ra mâu thuẫn bà Th đã tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh con và sinh sống. Sau thời gian đó bà Th không quay về nhà nữa, ông và bà Th ly thân từ thời gian đó cho đến năm 2018. Vào năm 2019 khi mẹ ruột ông T bệnh nặng thì bà Th có trở về chăm sóc mẹ cùng ông, tuy nhiên sau đó cả hai tiếp tục mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bà Th tiếp tục bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn tình cảm do thời gian ly thân quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đoàn Thị Lệ Th để trả tự do cho nhau và ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T xác nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Phạm Đoàn Quốc Tr - sinh ngày 27/1/2007, hiện tại con chung sống trực tiếp với bà Th. Ông T đề nghị tiếp tục giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, việc cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 15/9/2023.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có.

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Đoàn Thị Lệ Th có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có trình bày trong bản tự khai ngày 09/8/2023 như sau:

Bà và ông Phạm Quốc T có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng bà có một người con chung sinh năm 2007, cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà đã về nhà mẹ ruột để sinh sống và ly thân với ông T từ đó cho đến nay, vợ chồng bà cũng đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không được do không tìm được tiếng nói chung.

Do thời gian ly thân quá lâu nên vợ chồng bà không còn tình cảm. Bản thân bà và ông T không còn muốn gắn bó với nhau để xây dựng gia đình nữa, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải hàn gắn cho bà và ông T nữa mà đồng ý ly hôn với ông T để cả hai có cơ hội xây dựng lại cuộc sống cho bản thân.

Về con chung: Bà Th xác nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Phạm Đoàn Quốc Tr - sinh ngày 27/1/2007. Hiện nay, con chung đang sống cùng bà. Để ổn định cuộc sống của con chung, bà đề nghị giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà đồng ý với đề nghị của ông T về việc ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi

trưởng thành, cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 15/9/2023.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bản thân bà Th cũng xác nhận không còn tình cảm với ông T và đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Phạm Đoàn Quốc Tr - sinh ngày 27/1/2007. Ông T và bà Th đều đề nghị giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ Trung có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng bà Th. Xét thấy việc giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của trẻ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Phạm Đoàn Quốc Tr cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phạm Quốc T yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị Lệ Th. Do đó, đây là “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Đoàn Thị Lệ Th cư trú tại địa chỉ 205/42 THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn

Thị Lệ Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 52 quyển số 01/06 ngày 24/3/2006, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ khi về chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì giữa ông T và bà Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, sau khi chung sống với nhau được thời gian ngắn thì từ năm 2006 bà Th đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống và sống ly thân với ông T từ đó cho đến năm 2019 bà Th trở về và có hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, nhưng cũng một thời gian ngắn, trong cùng năm cả hai tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà Th có tự khai đồng ý ly hôn với ông T, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ không còn khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình cho ông T và bà Th được nữa.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà Th đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của ông T và bà Th, nghĩ nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th xác nhận có 01 (một) con chung, tên là Phạm Đoàn Quốc Tr - sinh ngày 27/1/2007. Ông T và bà Th xác nhận giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, việc cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 15/9/2023.

Xét, từ khi vợ chồng ông T và bà Th sống ly thân thì trẻ Trung đều do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, trẻ Trung cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng bà Th. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển về thể chất lẫn tâm sinh lý một cách ổn định, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông T và bà Th tiếp tục giao trẻ Trung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Quốc T về việc ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 15/9/2023.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Quốc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Phạm Quốc T được ly hôn với bà Đoàn Thị Lệ Th.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Đoàn Quốc Tr - sinh ngày 27/1/2007 cho bà Đoàn Thị Lệ Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.200.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, cấp dưỡng vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngày bắt đầu cấp dưỡng là ngày 15/9/2023.

Ông Phạm Quốc T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Đoàn Thị Lệ Th.

Ông Phạm Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Phạm Quốc T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đoàn Thị Lệ Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Quốc T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Quốc T và bà Đoàn Thị Lệ Th xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Quốc T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 52 quyển số 01/06 do Ủy ban nhân dân Phường 04, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/3/2006 hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Công Hoa